TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:144/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2026.

Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Thắng
2. Ông Hoàng Duy Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 520/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1993;

CCCD số: 082193003411

Địa chỉ thường trú: Số F khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai;

Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

* Bị đơn: anh **Nguyễn Ngọc T1** – sinh năm 1981;

CCCD số:075081018102

Địa chỉ thường trú: Số F khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai;

Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/05/2015. Sau khi kết hôn thì chị T và anh T1 chung sống với gia đình anh T1 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đến cuối năm 2021, chị T và anh T1 cùng các con về nhà cha mẹ ruột của chị T tại ấp V, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp) chung sống cho đến nay. Quá trình chung sống chị T và anh T1 dần bộc lộ những sự khác biệt, bất đồng quan điểm sống, anh chị không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/8/2015, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/02/2020 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 18/01/2022. Hiện cả 03 con chung đang sống chung với chị T tại ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/8/2015, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/02/2020 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 18/01/2022, anh T1 vắng mặt không có ý kiến, nên

đề nghị để chị T tiếp tục nuôi 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu là phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung; nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1, yêu cầu nuôi con chung, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh T1 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (trước đây) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 ngày 15/05/2015, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với lý do quá trình chung sống anh, chị bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T1 không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/8/2015, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/02/2020 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 18/01/2022. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Xét anh T1 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị T và nguyện vọng của cháu N cũng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy anh T1 không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, trong quá trình tố tụng anh T1 vắng mặt không lý do nên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng chị T yêu cầu mỗi tháng

1.000.000 đồng cho mỗi cháu là không cao so với sinh hoạt thực tế hiện nay, điều này cũng không gây bất lợi cho anh T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/8/2015, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/02/2020 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 18/01/2022.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng khi án có hiệu lực.

- Anh Nguyễn Ngọc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0010092 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; xem như chị T đã thi hành xong án phí.

+ Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm